

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2019/DS-PT
Ngày: 23-4-2019
V/v Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Hữu Nhân

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Huyền

Ông Huỳnh Châu Thạch

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Bà Đỗ Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2019/TLPT-DS ngày 14 tháng 01 năm 2019 về “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 61/2018/DS-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân thành phố ĐL bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2019/QĐ-PT ngày 22/02/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị Mỹ Th**, sinh năm 1962;
Trú tại: Số 117 TP, Phường 11, thành phố ĐL.

Đại diện theo ủy quyền: Bà **Lê Kim X**, sinh năm 1973;
Trú tại: Số 10 LG, Phường 9, thành phố ĐL (*văn bản ủy quyền ngày 20/3/2019*).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Th: Luật sư **Vũ Thành N** – Văn phòng luật sư NhV thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lâm Đồng.

- *Bị đơn:* Bà **Trần Thanh T**, sinh năm 1975;
Trú tại: Số 16C Yersin, Phường 10, thành phố ĐL.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Phạm Hoàng T1**, sinh năm 1965. Trú tại: Số 72/13 NTN, Phường 9, quận TB, Tp. HCM (*văn bản ủy quyền ngày 13/4/2019*)

- Người làm chứng:

1. Ông **Đỗ Văn Th1**, sinh năm 1972;

Trú tại: Số 16C Yersin, Phường 10, thành phố ĐL.

2. Bà **Võ Thị Thu H**, sinh năm 1961;
Trú tại: 281/16 TP, Phường 11, thành phố ĐL.
- *Người kháng cáo*: bị đơn bà Trần Thanh T.
(Bà Th vắng mặt; các đương sự còn lại có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ Th trình bày:*

Do có mối quan hệ thân thiết với nhau nên bà Th cho bà T vay tiền để làm ăn gồm các khoản như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 02/10/2015, bà Th cho bà T vay số tiền là 200.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 4,5%/tháng và hẹn trong vòng 01 năm sau là ngày 02/10/2016 sẽ thanh toán số tiền trên cho bà Th. Từ khi vay đến nay bà T không Th1 toán lãi nên tiền lãi được tính từ ngày 02/10/2015 đến ngày 31/5/2018 là 32 tháng $\times$ 200.000.000 đồng $\times$ 4,5%/tháng = 288.000.000 đồng.

Lần thứ hai: Ngày 03/12/2015 thì bà Th tiếp tục cho bà T vay thêm 2.500.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng với lãi suất thỏa thuận là 4,5%/tháng và hẹn trong vòng 07 ngày là ngày 10/12/2015 sẽ thanh toán số tiền trên cho bà Th. Nhưng bà T không Th1 toán lãi, tiền lãi vay 2.500.000.000 đồng từ ngày 03/12/2015 đến ngày 25/3/2016 là 82 ngày $\times$ 2.500.000.000 đồng $\times$ 4,5%/tháng = 303.750.000 đồng. Đến ngày 25/3/2016 bà T đã trả 1.000.000.000 đồng tiền gốc nên tiền gốc còn lại là 1.500.000.000 đồng, tiền lãi vay 1.500.000.000 $\times$ 26 tháng $\times$ 4,5%/tháng = 1.755.000.000 đồng. Như vậy, đối với khoản nợ này tiền gốc là 1.500.000.000 đồng và tiền lãi là 1.558.750.000 đồng.

Nay bà Th yêu cầu Tòa án buộc bà T thanh toán cả hai khoản vay là 3.546.750.000 đồng (trong đó tiền gốc là 1.700.000.000 đồng và tiền lãi là 1.846.750.000 đồng)

Ngoài ra, bà Th không còn yêu cầu nào khác.

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần cho bị đơn, để đến Tòa án nhân dân thành phố ĐL làm việc; tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bị đơn đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện: Buộc bị đơn trả số tiền đã vay bao gồm tiền gốc là 1.700.000.000 đồng và 636.500.000 đồng tiền lãi (tính từ khi vay đến thời điểm xét xử ngày 30/11/2018, với mức lãi 1%/tháng; cụ thể như sau: 200.000.000 đồng $\times$ 37 tháng $\times$ 1%/tháng = 74.000.000 đồng; 2.500.000.000 đồng $\times$ 100 ngày $\times$ 1%/tháng = 480.000.000 đồng).

Tại Bản án sơ thẩm số 61/2018/DS-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố ĐL đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ Th về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản với bị đơn bà Trần Thanh T;

Buộc bà Trần Thanh T có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Mỹ Th số tiền 2.336.500.000 đồng (trong đó tiền gốc là 1.700.000.000 đồng và tiền lãi là 636.500.000 đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, trách nhiệm thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 07/12/2018, bị đơn bà T kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm vì bà T chỉ còn nợ bà Th 500.000.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay,

Ông T1 đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm. Bà X đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Luật sư N bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời nêu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn khởi kiện và yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc 2.700.000.000 đồng theo Hợp đồng cho thuê tài chính ngày 02/10/2015 và ngày 03/12/2015 (BL28, 29) và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất 4,5%/tháng. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc bị đơn trả số tiền 2.336.500.000 đồng (trong đó gốc 1.700.000.000 đồng, lãi 636.500.000 đồng, lãi suất 1%/tháng từ khi vay cho đến ngày 30/11/2018). Phía bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa, do đó không có lời trình bày của bị đơn. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” là đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà T thì:

Tại cấp phúc thẩm, bà T cung cấp các tài liệu chứng cứ là bản chính sau đây:

- 01 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Đỗ Văn Th1, bà Trần Thanh T với bà Trần Thị Mỹ Th được Văn phòng công chứng ĐL chứng thực vào ngày 05/3/2015; mặt sau của Hợp đồng thể hiện nội dung “Hôm nay ngày 25/3/2016. Tôi: Trần Thị Mỹ Th có nhận một tỷ Tuyệt trả. Còn lại 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng chẵn). Giấy nợ trước không còn hiệu lực. Người nhận Trần Thị Mỹ Th” và nội dung “Hôm nay ngày

21/4/2016 Thương có nhận hai trăm triệu đồng. Vậy tổng nhận – 1.700.000.000.” (BL 112);

- 01 giấy viết tay ghi nội dung “Hôm nay ngày 19/7/2017 tôi có nhận của Tuyết 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Người nhận Trần Thị Mỹ Th”, trong đó số “2017” có sự chỉnh sửa số “6” thành số “7”. (BL 111).

- Các Giấy nộp tiền vào tài khoản của bà Trần Thị Mỹ Th tại Ngân hàng Agribank ĐL (BL116-123 và BL125-140) từ thời điểm ngày 01/7/2015 đến ngày 16/11/2016, người nộp là bà Trần Thanh T và bà Võ Thị Thu H. Với tổng số tiền bà T chuyển vào tài khoản số 5406205025140 đứng tên bà Trần Thị Mỹ Th tại Ngân hàng Agribank thành phố ĐL là 3.270.000.000đồng.

Dựa vào các chứng cứ trên, bà T thừa nhận có vay của bà Th số tiền 2.500.000.000đ, bà đã trả nhiều lần. Sau khi tính toán lại gốc và lãi thì hiện nay chỉ còn nợ bà Th số tiền 273.000.000đ theo như Đơn trình bày ngày 16/4/2019 của ông Phạm Hoàng T1 là đại diện theo ủy quyền của bà T (BL153-155).

Trong khi đó, phía bà Th có cung cấp thêm 01 hợp đồng cho thuê tài chính ghi ngày 31/8/2015 và ngày 18/9/2015, tổng số tiền 1.600.000.000đ (BL143). Như vậy, theo bà Th thì số tiền bà Th đã giao cho bà T là 4.300.000.000đ. Căn cứ theo các tài liệu do các bên cung cấp đã xác định giữa bà Th và bà T có quan hệ vay mượn và trả tiền nhiều lần trong khoảng thời gian dài từ năm 2015 cho đến năm 2017. Hiện nay các bên đang có tranh chấp về tiền gốc, lãi và lãi suất cho vay.

Đối với Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Văn phòng công chứng ĐL chứng thực vào ngày 05/3/2015 (BL 112-115): Nội dung hợp đồng thể hiện bên chuyển nhượng là ông Đỗ Văn Th1, bà Trần Thanh T, bên nhận chuyển nhượng bà Trần Thị Mỹ Th đối với diện tích 2.152m² đất thuộc thửa 32, tờ bản đồ 31, tại phường 3, Tp. ĐL theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 421963 do UBND Tp. ĐL cấp ngày 07/6/1999 và điều chỉnh sang tên cho bà Trần Thanh T ngày 15/01/2010 (BL96). Giá chuyển nhượng là 3.500.000.000đ. Theo hợp đồng thì bà T, ông Th1 đã được bà Th trả 2.500.000.000đ. Còn 1.000.000.000đ các bên thỏa thuận bà Th sẽ thanh toán khi bà T, ông Th1 bàn giao đất và bản chính GCNQSD đất đã cập nhật sang tên bà Th.

Tại phiên tòa, bà T và ông Th1 đều cho rằng đây là hợp đồng giả cách, mục đích để đảm bảo số tiền 2.500.000.000đ bà T đã vay của bà Th. Bà T không nhận tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất nào từ bà Th. Phía bà Th không thừa nhận và cho rằng Hợp đồng chuyển nhượng đất này không liên quan đến số tiền vay mà bà yêu cầu bà T phải trả. Qua quá trình xét hỏi tại phiên tòa phúc thẩm ngày 20/3/2019, bà Th khai nhận việc giao số tiền 2.500.000.000đ cho bà T là giao tại nhà bà Th sau khi ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất xong, chứ không giao 2.500.000.000đồng cho ông Th1, bà T ngay khi ký kết hợp đồng và khi giao số tiền 2.500.000.000đồng không làm giấy tờ gì. Bà T không thừa nhận việc bà Th đã thanh toán số tiền 2.500.000.000đồng theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Như vậy, có sự mâu thuẫn trong lời

khai của bà Th trong việc có giao hay không giao số tiền chuyển nhượng 2.500.000.000đồng. Do đó, có căn cứ xác định bà Th chưa thanh toán cho bà T, ông Th1 số tiền 2.500.000.000đ theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 05/3/2015 mà đây là biện pháp đảm bảo cho hợp đồng vay tiền.

Ngoài ra, bà Th cho rằng hợp đồng chuyển nhượng đất thực tế được ký kết vào ngày 05/3/2016 chứ không phải ngày 05/3/2015. Chứng cứ chứng minh là Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 05/3/2016 của Văn phòng công chứng ĐL cấp cho người mua hàng Đỗ Văn Th1 đối với chi phí soạn thảo và công chứng hợp đồng chuyển nhượng trên (BL19). Hiện nay giao dịch trên chưa hoàn thành, các bên đang tranh chấp về việc giao nhận số tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn chưa làm rõ.

Như vậy, cần phải làm rõ tính đến thời điểm ngày 25/3/2016 là ngày hai bên tính toán chốt lại toàn bộ số nợ và bà T thực hiện nghĩa vụ thanh toán hay không, vì khi bà Th nhận của bà T tiền có xác nhận nội dung: *“Hôm nay ngày 25/3/2016. Tôi: Trần Thị Mỹ Th có nhận một tỷ Tuyệt trả. Còn lại 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng chẵn). Giấy nợ trước không còn hiệu lực”* và nội dung xác nhận này được thực hiện sau thời gian bà Th cho bà T vay tiền và được ghi vào mặt sau của hợp chuyển nhượng quyền sử dụng đất (bút lục 111-115).

Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành thu thập chứng cứ đầy đủ, chưa xác minh và đối chất giữa các bên, không đưa ông Đỗ Văn Th1 và Văn phòng công chứng ĐL vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án để làm rõ là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Hơn nữa, tại phiên tòa, bà T khai nhận lãi suất phải trả cho bà Th là 15%/tháng đối với số tiền 2.500.000.000 đồng. Do đó, cần phải làm rõ tổng số tiền bà T trả cho bà Th thông qua Ngân hàng trong đó tiền trả gốc và tiền trả lãi như thế nào để điều chỉnh lại lãi suất theo đúng quy định của pháp luật mới đảm bảo quyền lợi của các đương sự.

Từ những phân tích trên thấy rằng, cần hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố ĐL giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: do hủy án nên hoàn trả cho bị đơn số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng sẽ được quyết định khi giải quyết lại vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 61/2018/DS-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân thành phố ĐL.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố ĐL giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng sẽ được quyết định khi giải quyết lại vụ án.

3. Về án phí phúc thẩm: Hoàn trả cho bà Trần Thanh T số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011716 ngày 20/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Tp. ĐL.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh LĐ;
- Phòng KTNV & THA;
- TAND Tp. ĐL;
- Chi cục THADS Tp. ĐL;
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Hữu Nhân